

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 20-4-2021.
*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc ;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Đoàn Trang, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là chị Thái Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Phú C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đặng Thu H, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C1, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2020 của Nguyên đơn và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L và Anh Huỳnh Phú C có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán ngày 05/01/2019. Theo hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn L sẽ cung cấp xăng, dầu cho anh C. Hàng tháng công nợ được chốt vào ngày

cuối cùng của tháng đó và tháng kế tiếp tiếp sẽ thanh toán cho công nợ của tháng trước. Đến đầu tháng 7 năm 2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn L ngừng cung cấp xăng, dầu cho anh C, với lý do anh C không thực hiện đúng với điều khoản thanh toán theo như thỏa thuận.

Số tiền Anh Huỳnh Phú C còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn L đến cuối tháng 6 năm 2019 là 577.143.863 đồng. Sau đó, anh C đã trả được như sau:

Ngày 15/7/2019 trả 69.000.000 đồng;

Ngày 30/7/2019 trả: 50.000.000 đồng;

Ngày 30/8/2019 trả: 100.000.000 đồng;

Ngày 01/10/2019 trả: 95.000.000 đồng;

Ngày 11/5/2019 trả: 50.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2019 trả: 105.000.000 đồng.

Tổng cộng anh C trả được: 469.000.000 đồng, còn nợ lại 108.143.863 đồng.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Anh Huỳnh Phú C và vợ là Chị Đặng Thu H trả 108.143.863 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả là 1.5%/tháng tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/6/2020 là 29.168.737 đồng.

Sau đó, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn L thay đổi yêu cầu, cụ thể về tiền gốc: yêu cầu anh C và chị H trả 100.000.000 đồng; yêu cầu thời gian tính lãi suất và lãi suất, cụ thể: yêu cầu tính lãi suất từ ngày 31/12/2019 đến ngày 20/4/2021 là 16 tháng 20 ngày, yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng. Tổng cộng tiền lãi là 13.833.000 đồng.

Bị đơn là Anh Huỳnh Phú C trình bày trong hồ sơ: Anh và Công ty trách nhiệm hữu hạn L có thỏa thuận mua bán xăng, dầu. Thời gian đầu là hai bên thỏa thuận miệng. Sau đó, thì có làm hợp đồng mua bán giữa hai bên ký kết. Đến đầu tháng 7 năm 2019 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn L không cung cấp xăng, dầu nữa và có gửi giấy công nợ cho anh, anh còn nợ 493.640.659 đồng. Sau đó, anh đã trả hết số tiền nợ này. Khi trả tiền, hai bên không có làm giấy tờ giao nhận gì.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Anh Huỳnh Phú C và vợ là Chị Đặng Thu H trả 108.143.863 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả là 1.5%/tháng tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/6/2020 là 29.168.737 đồng. Anh không đồng ý, vì đến ngày 30/11/2019, anh đã trả nợ xong cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

Bị đơn là Chị Đặng Thu H trình bày trong hồ sơ: Anh Huỳnh Phú C (là chồng của chị), chị thống nhất với ý kiến của anh C, không đồng ý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L số tiền 108.143.863 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm

trả là 1.5%/tháng tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/6/2020 là 29.168.737 đồng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Anh Huỳnh Phú C và Chị Đặng Thu H trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí: Anh Huỳnh Phú C và Chị Đặng Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Anh Huỳnh Phú C và chị Đặng Thu H trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 31/12/2019. Anh Huỳnh Phú C và chị Đặng Thu H có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình làm việc, phiên hòa giải, công khai chứng cứ Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Anh Huỳnh Phú C và chị Đặng Thu H trả 108.143.863 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả là 1.5%/tháng tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/6/2020 là 29.168.737 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Anh Huỳnh Phú C và chị Đặng Thu H trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 13.833.000 đồng. Tổng cộng: 1.13.833.000 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn L cung cấp chứng cứ là hợp đồng mua bán đề ngày 05/01/2019 và các phiếu công nợ. Anh Huỳnh Phú C thừa nhận: có mua bán xăng dầu với Công ty trách nhiệm hữu hạn L; tổng số tiền mua bán xăng dầu còn nợ theo định kỳ. Tuy nhiên, Anh Huỳnh Phú C không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 100.000.000 đồng vào ngày

20/3/2019. Do đó, yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn L là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu tính lãi suất từ ngày 31/12/2019, với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tổng thời gian tính lãi là 16 tháng 20 ngày, cụ thể như sau:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} \times 0.83\% = 13.833.000 \text{ đồng}.$

[5] Về án phí:

Về án phí: Anh Huỳnh Phú C và Chị Đặng Thu H phải chịu 5.691.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Buộc Anh Huỳnh Phú C và Chị Đặng Thu H trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 13.833.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 113.833.000 (một trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Phú C và Chị Đặng Thu H phải chịu 5.691.500 (năm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L 3.509.689 (ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0007290, ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Cục thi hành án dân sự H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu Bản án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Tấn Thắng

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: